

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/2/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 3401/TTr-SVHTTDL ngày 01/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành ký.

Các thủ tục hành chính nội bộ số 01, 02, 04 tại Mục I thuộc Phần I và nội dung của các thủ tục hành chính nội bộ số 01 (từ trang số 04 đến hết trang số 05), thủ tục hành chính nội bộ số 02 (từ trang số 06 đến hết trang số 07), thủ tục hành

chính nội bộ số 04 (từ trang số 10 đến hết trang số 11) được ban hành kèm theo Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ VH,TT&DL;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Thẩm định hồ sơ thành lập Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Phê duyệt Quy hoạch khảo cổ ở địa phương.	Di sản văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Điều chỉnh Quy hoạch khảo cổ ở địa phương.	Di sản văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia.	Di sản văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia.	Di sản văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

9	Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.	Di sản văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.	Di sản văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11	Xét công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.	Văn hóa cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
12	Xét công nhận lại quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.	Văn hóa cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13	Xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.	Văn hóa cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
14	Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.	Thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
15	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.	Thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
16	Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.	Thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình;

(2) Thuyết minh nội dung quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

(3) Bản sao ý kiến đồng ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh (Quy hoạch có nội dung cơ bản: Sự cần thiết lập quy hoạch; Căn cứ lập quy hoạch; Quan điểm và nguyên tắc; Mục tiêu quy hoạch; Các tiêu chí nội dung, nghệ thuật, kỹ thuật, kiến trúc, quy mô quy hoạch; Giải pháp thực hiện quy hoạch; Tổ chức thực hiện quy hoạch).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện: Văn bản phê duyệt quy hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2013;

- Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/2/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

2. Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình;

(2) Đề cương đề án công trình bao gồm: Sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch, nội dung tượng đài, tranh hoành tráng, địa điểm xây dựng, dự kiến quy mô, chất liệu, hình thức đầu tư, dự kiến tổng mức đầu tư, nguồn vốn và thời gian thực hiện.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện: Văn bản phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2013;
- Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/2/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

3. Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập hồ sơ gửi Sở Tài chính, Sở Nội vụ thẩm định.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Tài chính, Sở Nội vụ ban hành văn bản thẩm định hoặc đề nghị bổ sung hồ sơ thành lập Ban quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bước 3: Sau khi có ý kiến thẩm định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định. Trong trường hợp cần bổ sung, thực hiện lại Bước 1.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ đề nghị thành lập Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống điều hành tác nghiệp, dịch vụ bưu điện đến Sở Tài chính, Sở Nội vụ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị thành lập Ban quản lý di tích, Đề án thành lập Ban quản lý di tích, Bản sao Quyết định xếp hạng di tích, các văn bản liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nội vụ, Sở Tài chính

g) Kết quả thực hiện: Văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Ban quản lý di tích.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

- Công văn số 2946/BVHTTDL ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kiện toàn bộ máy quản lý di tích.

- Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Hướng dẫn số 382/HD-VHTTDL ngày 22/02/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/2/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4. Kiểm kê di tích

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm kê di tích; trình phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích.

- Bước 2: Tổ chức kiểm kê toàn bộ hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Thực hiện khảo sát, điền dã, phỏng vấn, ghi chép, chụp ảnh, ghi âm, ghi hình để thu thập thông tin và tư liệu hóa di tích; Sử dụng phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh, đánh giá, tổng hợp các tư liệu liên quan đến di tích được kiểm kê.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình; báo cáo kết quả kiểm kê, phiếu kiểm kê, danh mục kiểm kê, bản ghi âm, ghi hình, ảnh chụp, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ, nhật ký kiểm kê.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận hồ sơ kiểm kê di tích có đủ điều kiện: 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Thời gian giải quyết hồ sơ của Chủ tịch UBND tỉnh: Chậm nhất 05 ngày ban hành quyết định phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích.

đ) Đối tượng thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Bảo tàng tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa.

5. Phê duyệt Quy hoạch khảo cổ ở địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 2: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố liên quan nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; sưu tầm thông tin, tài liệu, thực hiện khảo sát, đánh giá các địa điểm khảo cổ trong lòng đất và dưới nước, là nơi đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu là nơi lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học để làm cơ sở lập quy hoạch; hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan; tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch; hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định; trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho ý kiến về hồ sơ quy hoạch.

- Bước 3: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình; hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch khảo cổ (báo cáo thuyết minh quy hoạch khảo cổ; sơ đồ/bản đồ phân bố các địa điểm khảo cổ); dự thảo quyết định phê duyệt.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận hồ sơ quy hoạch khảo cổ đủ điều kiện: 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Thời gian giải quyết hồ sơ quy hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh: Chậm nhất 10 ngày trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

đ) Đối tượng thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa.

6. Điều chỉnh Quy hoạch khảo cổ ở địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

- Bước 2: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức lập, thẩm định quy hoạch điều chỉnh, bổ sung

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố liên quan nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; sưu tầm thông tin, tài liệu, thực hiện khảo sát, đánh giá bổ sung các địa điểm khảo cổ trong lòng đất và dưới nước, là nơi đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu là nơi lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học để làm cơ sở lập quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; hoàn thiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung và gửi lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan; tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; hoàn thiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định; trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cho ý kiến về hồ sơ quy hoạch điều chỉnh, bổ sung.

- Bước 3: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình; hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch khảo cổ điều chỉnh, bổ sung (báo cáo thuyết minh quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; sơ đồ/bản đồ phân bố các địa điểm khảo cổ); dự thảo quyết định phê duyệt.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận hồ sơ quy hoạch khảo cổ đủ điều kiện: 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Thời gian giải quyết hồ sơ điều chỉnh quy hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh: Chậm nhất 05 ngày trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

đ) Đối tượng thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa.

7. Lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đối với nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích cấp tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt; đối với di tích cấp quốc gia UBND tỉnh trình Bộ VH-TT-DL thẩm định phê duyệt.

- Bước 2: Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá sơ bộ và yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên.

- Bước 3: Lập quy hoạch di tích, lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch di tích...

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ vị trí di tích; bản đồ hiện trạng; bản đồ xác định khu vực; dự thảo quyết định quy hoạch di tích...

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận hồ sơ lập quy hoạch và quy hoạch di tích đủ điều kiện: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả giải quyết: Quyết định lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: (Tờ trình theo mẫu số 01, 02 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP).

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Mẫu số 01**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định/cơ quan phê duyệt) thẩm định/phê duyệt (Tên Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích) với các nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích:.....
2. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch di tích và phạm vi lập quy hoạch di tích:
 - a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch di tích:.....
 - b) Phạm vi lập quy hoạch di tích:.....

c) Ranh giới lập quy hoạch di tích:

- Phía Bắc giáp.....
- Phía Nam giáp.....
- Phía Đông giáp.....
- Phía Tây giáp.....

3. Các nội dung chính của Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích:

- a) Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích.
- b) Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích.
- c) Nội dung và định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- d) Định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và xây dựng công trình mới.
- đ) Kế hoạch thực hiện quy hoạch di tích.

4. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác về xây dựng. Cụ thể:

- a) Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.
- b) Bản đồ.
- c) Bản sao ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan; cộng đồng nơi có di tích.
- d) Văn bản thẩm định Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích (đối với trường hợp đề nghị phê duyệt) và các văn bản khác có liên quan.

5. Kinh phí thực hiện quy hoạch di tích:.....

6. Tổ chức thực hiện:

- a) Thời gian lập quy hoạch di tích:.....
- b) Phân công trách nhiệm:
 - Cơ quan phê duyệt:.....
 - Cơ quan thẩm định và trình duyệt
 - Cơ quan quản lý lập quy hoạch di tích:.....
 - Cơ quan chủ đầu tư:.....

II. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

1. Ý kiến góp ý của tổ chức liên quan:

a) Ý kiến góp ý của.....

b) Ý kiến góp ý của.....

c) Ý kiến góp ý của.....

2. Ý kiến của Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích (trong trường hợp phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích):.....

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích...../.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng
dấu)

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) thẩm định, phê duyệt quy hoạch di tích (Tên quy hoạch di tích) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên quy hoạch:.....

2. Tên cơ quan tổ chức lập quy hoạch di tích:.....

3. Chủ đầu tư lập quy hoạch di tích:.....

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch di tích:.....

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Mục tiêu quy hoạch di tích:

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch di tích:

a) Phạm vi lập quy hoạch di tích, bao gồm:.....

b) Ranh giới lập quy hoạch di tích được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp.....

- Phía Nam giáp.....

- Phía Đông giáp.....

- Phía Tây giáp.....

3. Nội dung quy hoạch di tích:

a) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích:

- Tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ di tích và môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tác động đến di tích:

- Đặc điểm, giá trị di tích:.....

- Mối liên hệ với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu:.....

b) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích:.....

- Phương hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:.....

- Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi:.....

- Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:.....

c) Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:

- Phân vùng chức năng:.....

- Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích:.....

- Giải pháp phát triển du lịch:.....

d) Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:.....

- San nền:.....

- Cấp nước:.....

- Thoát nước và vệ sinh môi trường:.....

- Cấp điện:.....

- Thông tin liên lạc:.....

đ) Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:

- Các nhóm dự án thành phần:

+ Nhóm dự án số 1:.....

+ Nhóm dự án số 2:.....

- Dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn:.....

Thời gian thực hiện Quy hoạch: Từ năm đến năm , cụ thể:

+ Giai đoạn 1:.....

+ Giai đoạn 2:.....

- Vốn đầu tư:

+ Vốn từ ngân sách trung ương:.....

+ Vốn ngân sách địa phương:.....

+ Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác:.....

e) Giải pháp, cơ chế thực hiện quy hoạch di tích:

- Giải pháp:

+ Giải pháp quản lý:.....

+ Giải pháp đầu tư:.....

+ Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:.....

+ Cơ chế thực hiện:.....

4. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức quản lý di tích có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ:.....

- Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan:.....

III. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

1. Ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan:.....

2. Ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch di tích (trong trường hợp phê duyệt quy hoạch di tích):

(Tên tổ chức) kính trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích...../.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

8. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt di tích cấp tỉnh; đối với di tích cấp quốc gia UBND tỉnh trình Bộ VH-TT-DL thẩm định phê duyệt.

- Bước 2: Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá sơ bộ và yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên liên quan đến nội dung quy hoạch.

- Bước 3: Lập quy hoạch di tích, lấy ý kiến của tổ chức cá nhân có liên quan về quy hoạch di tích; xác định kế hoạch thực hiện quy hoạch...

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ vị trí di tích; bản đồ hiện trạng; bản đồ xác định khu vực; dự thảo quyết định quy hoạch di tích...

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận hồ sơ phê duyệt lập quy hoạch và quy hoạch di tích đủ điều kiện: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện: UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị có liên quan,

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *(Tờ trình theo mẫu số 02 ND số 166/2018/NĐ-CP).*

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) thẩm định, phê duyệt quy hoạch di tích (Tên quy hoạch di tích) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên quy hoạch:.....
2. Tên cơ quan tổ chức lập quy hoạch di tích:.....
3. Chủ đầu tư lập quy hoạch di tích:.....
4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch di tích:.....

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Mục tiêu quy hoạch di tích:
2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch di tích:
 - a) Phạm vi lập quy hoạch di tích, bao gồm:.....
 - b) Ranh giới lập quy hoạch di tích được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp.....
- Phía Nam giáp.....
- Phía Đông giáp.....
- Phía Tây giáp.....

3. Nội dung quy hoạch di tích:

a) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích:

- Tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ di tích và môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tác động đến di tích:

- Đặc điểm, giá trị di tích:.....
- Mối liên hệ với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu:.....

b) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích:.....
- Phương hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:.....
- Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi:.....
- Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:.....

c) Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:

- Phân vùng chức năng:.....
- Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích:.....
- Giải pháp phát triển du lịch:.....

d) Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:.....
- San nền:.....
- Cấp nước:.....
- Thoát nước và vệ sinh môi trường:.....
- Cấp điện:.....
- Thông tin liên lạc:.....

đ) Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:

- Các nhóm dự án thành phần:
 - + Nhóm dự án số 1:.....
 - + Nhóm dự án số 2:.....
- Dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn:.....

Thời gian thực hiện Quy hoạch: Từ năm đến năm , cụ thể:

+ Giai đoạn 1:.....

+ Giai đoạn 2:.....

- Vốn đầu tư:

+ Vốn từ ngân sách trung ương:.....

+ Vốn ngân sách địa phương:.....

+ Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác:.....

e) Giải pháp, cơ chế thực hiện quy hoạch di tích:

- Giải pháp:

+ Giải pháp quản lý:.....

+ Giải pháp đầu tư:.....

+ Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:.....

+ Cơ chế thực hiện:.....

4. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức quản lý di tích có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ:.....

- Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan:.....

III. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

1. Ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan:.....

2. Ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch di tích (trong trường hợp phê duyệt quy hoạch di tích):

(Tên tổ chức) kính trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích...../.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

9. Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

- Bước 2: Khảo sát thu thập tài liệu về yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường tự nhiên và những vấn đề liên quan đến di tích.

- Bước 3: Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích; lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan về dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích...

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình; báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích...

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện: UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: (Tờ trình theo mẫu số 02 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP).

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018;

- Thông tư 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) thẩm định, phê duyệt quy hoạch di tích (Tên quy hoạch di tích) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên quy hoạch:.....

2. Tên cơ quan tổ chức lập quy hoạch di tích:.....

3. Chủ đầu tư lập quy hoạch di tích:.....

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch di tích:.....

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Mục tiêu quy hoạch di tích:
2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch di tích:
 - a) Phạm vi lập quy hoạch di tích, bao gồm:.....
 - b) Ranh giới lập quy hoạch di tích được xác định như sau:
 - Phía Bắc giáp.....
 - Phía Nam giáp.....
 - Phía Đông giáp.....
 - Phía Tây giáp.....
3. Nội dung quy hoạch di tích:
 - a) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích:
 - Tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ di tích và môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tác động đến di tích:
 - Đặc điểm, giá trị di tích:.....
 - Mối liên hệ với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu:.....
 - b) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:
 - Điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích:.....
 - Phương hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:.....
 - Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi:.....
 - Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:.....
 - c) Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:
 - Phân vùng chức năng:.....
 - Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích:.....
 - Giải pháp phát triển du lịch:.....
 - d) Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:
 - Giao thông:.....
 - San nền:.....
 - Cấp nước:.....
 - Thoát nước và vệ sinh môi trường:.....
 - Cấp điện:.....
 - Thông tin liên lạc:.....

đ) Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:

- Các nhóm dự án thành phần:

+ Nhóm dự án số 1:.....

+ Nhóm dự án số 2:.....

- Dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn:.....

Thời gian thực hiện Quy hoạch: Từ năm đến năm , cụ thể:

+ Giai đoạn 1:.....

+ Giai đoạn 2:.....

- Vốn đầu tư:

+ Vốn từ ngân sách trung ương:.....

+ Vốn ngân sách địa phương:.....

+ Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác:.....

e) Giải pháp, cơ chế thực hiện quy hoạch di tích:

- Giải pháp:

+ Giải pháp quản lý:.....

+ Giải pháp đầu tư:.....

+ Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:.....

+ Cơ chế thực hiện:.....

4. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức quản lý di tích có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ:.....

- Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan:.....

III. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

1. Ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan:.....

2. Ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch di tích (trong trường hợp phê duyệt quy hoạch di tích):

(Tên tổ chức) kính trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích...../.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

10. Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh có phát hiện mới về di tích; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

- Bước 2: Quy hoạch di tích có liên quan được điều chỉnh.

- Bước 3: Dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích; xuất hiện yếu tố mới có khả năng hủy hoại hoặc gây nguy cơ hủy hoại di tích...

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ trình; báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích...

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả giải quyết: Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018;
- Thông tư 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

11. Xét công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn đô thị văn minh. Lập Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh và gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố để tham gia ý kiến.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua cơ quan thường trực là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thường trực là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (gọi tắt là Hội đồng).

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

+ Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt.

+ Cơ quan thường trực Hội đồng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

+ Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh.

+ Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố thuộc tỉnh về kết quả lấy ý kiến hài lòng và đồng ý đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh của người dân.

+ Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội về kết quả tham gia xây dựng đô thị văn minh.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện: UBND thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định và Giấy công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện:

- Có đăng ký thị xã, thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh với Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đạt các tiêu chí tại khoản 1 Điều 10 (*nội dung đánh giá theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg*).

- Thời gian đăng ký: 02 năm, đối với công nhận lần đầu.

- Có 100% phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Có 100% xã trực thuộc (nếu có) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

12. Xét công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn đô thị văn minh. Lập Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh và gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố để tham gia ý kiến.

- Bước 2: UBND thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua cơ quan thường trực là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thường trực là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (gọi tắt là Hội đồng).

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận lại thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

+ Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt.

+ Cơ quan thường trực Hội đồng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận lại khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. Trường hợp không công nhận lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh.

+ Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh.
 + Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố về kết quả lấy ý kiến hài lòng và đồng ý đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh của người dân.

+ Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội về kết quả tham gia xây dựng đô thị văn minh.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

g) Kết quả giải quyết: Quyết định và Giấy công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện:

- Có đăng ký thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đạt các tiêu chí tại khoản 1 Điều 10 (nội dung đánh giá theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg).

- Thời gian đăng ký: 05 năm, đối với công nhận lại.

- Có 100% phường, thị trấn trực thuộc được công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Có 100% xã trực thuộc (nếu có) được công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2022.

13. Xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn gửi Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bước 2: UBND cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách xã, phường, thị trấn đủ điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu (Mẫu số 12 của Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP) và bằng chứng nhận “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

+ Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

+ Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả giải quyết: Quyết định tặng danh hiệu và bằng chứng nhận “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP).

- Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP).

+ Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP).

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thi đua, khen thưởng;
- Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

.....(1)....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu
“Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm(2)....**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số ... /2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của UBND tỉnh ...(5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh/...(5).....;

Xét thành tích của xã/phường/thị trấn(3)..... và Biên bản họp xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2).. ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh.....(4),

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(5)... xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ... (2) cho các đơn vị có tên sau đây:

STT	Tên xã/phường/thị trấn	Thành tích

(Kèm theo Tờ trình: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và kết quả bỏ phiếu của đơn vị trình khen;báo cáo thành tích).

Nơi nhận:

- UBND ...;
- Ban TĐKT ...;
- Lưu: VT, ...(..).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**QUẬN/HUYỆN ...(4)...****CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

1. Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
2. Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
3. Tên xã/phường/thị trấn được xét tặng danh hiệu văn hóa.
4. Tên quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh đề nghị.
5. Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định tặng danh hiệu văn hóa.

Mẫu số 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN ... (3)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

...(1)....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đạt danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm (2)....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã/thành phố ... (4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số ... /2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh ... (5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh/thành phố... (5).....;

Xã/Phường/Thị trấn ... (3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm ... (2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình, thuận lợi, khó khăn của xã/phường/thị trấn ... (3)... đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ... (2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích xã/phường/thị trấn ... (3)... đạt được trong năm ... (2)... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Nơi nhận:

- UBND ...;
- HĐ TĐKT ...;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN ... (4) ...
CHỦ TỊCH**

- Lưu: VT, ...

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (3) Tên xã/phường/thị trấn được xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (4) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh đề nghị.
- (5) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(1)...., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP

**Hội đồng thi đua quận/huyện/thị xã/thành phố
về việc xét, đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” Năm ... (2)**

....

Thời gian: giờ phút, ngày tháng năm

Địa điểm:(5).....

Hội đồng Thi đua, khen thưởng quận/huyện/thị xã/thành phố(3)..... tiến hành họp bình xét, đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2)....

Chủ trì cuộc họp:

Thư ký cuộc họp:

Các thành viên tham dự (vắng), gồm:

1. Chức vụ: ;

2. Chức vụ: ;

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng quận/huyện/thị xã ... (3)... phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của các xã, phường, thị trấn đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ... (2); các thành viên tham dự họp thảo luận, biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín). Kết quả: ...% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã/thành phố (3) ... trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (4)... ban hành quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ..(2) cho các các đơn vị có tên sau:

STT	Xã, phường, thị trấn	Thành tích

Cuộc họp kết thúc vào hồigiờphút, ngày ... tháng năm...

THỦ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (3) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố đề nghị.
- (4) Tên tỉnh/thành phố ban hành quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.

14. Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập thư viện, cơ quan, tổ chức thành lập thư viện phải gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục) *(theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành).*

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ quan thành lập thư viện; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện: Văn bản trả lời.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo thành lập thư viện (dành cho Thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục) *(theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên*

quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành).

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành.

Mẫu số 03

CƠ QUAN CHỦ QUẢN

(nếu có)

.....¹.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO THÀNH LẬP THƯ VIỆN

(Dành cho Thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục)

Kính gửi.....².....

Ngày tháng năm.....³ đã ban hành Quyết định số.....về việc thành lập thư viện...../thành lập.....⁴..... trong đó có thư viện.....⁵(có Quyết định kèm theo).

Thông tin về thư viện được thành lập như sau:

1. Thư viện

Tên thư viện (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có).....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....; Fax:.....

E-mail (nếu có):..... Website (nếu có):...

Tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thư viện (*nếu có*)...

2. Đối tượng phục vụ

3. Tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện ban đầu của thư viện

- Tổng số bản sách:

Số đầu sách:

- Tổng số đầu báo, tạp chí:.....

- Tổng số đầu tài liệu số (*nếu có*).

- Máy tính, cơ sở dữ liệu hoặc trang thiết bị khác:.....

(*Có Danh mục tài nguyên thông tin, thiết bị thư viện kèm theo*)

4. Diện tích thư viện.....m²

Trong đó, diện tích dành cho bạn đọc:.....m²

5. Thông tin nhân sự của thư viện

- Giám đốc/người trực tiếp phụ trách thư viện:

+ Họ và tên:

+ Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

+ Ngày tháng năm sinh:.....

+ Địa chỉ:.....

+ Số điện thoại: E-mail:.....

- Tổng số người làm công tác thư viện:

6. Ngày bắt đầu hoạt động: Ngày..... tháng..... năm.....

Theo quy định của Luật Thư viện,¹ trên trọng thông báo./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(*Ký, ghi rõ tên, đóng dấu*)

¹ Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập thư viện; cơ sở giáo dục quản lý thư viện

² Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo theo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.

³ Người/tổ chức có thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập thư viện.

⁴ Đơn vị mà thư viện là một bộ phận trong đó (Áp dụng trong trường hợp thư viện không phải là đơn vị độc lập).

⁵ Tên thư viện.

15. Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện, cơ quan, tổ chức thành lập thư viện phải gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/hợp nhất/ chia/tách thư viện (*theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ quan thành lập thư viện; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện: Văn bản trả lời.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo sáp nhập/hợp nhất/ chia/tách thư viện (*theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành*).

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành.

Mẫu số 04

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....¹.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO SÁP NHẬP/HỢP NHẤT/CHIA/TÁCH THƯ VIỆN

Kính gửi:².....

Triển khai văn bản số ngày..... của...../thỏa thuận của các bên liên quan³,¹.....thực hiện sáp nhập/hợp nhất/chia/tách⁴ thư viện cụ thể như sau:

1. Thông tin về thư viện trước sáp nhập/hợp nhất/chia/tách:

a) Tên thư viện:

- Địa chỉ:

- Thành lập theo Quyết định số...../Văn bản thông báo số³ của

(Trường hợp nhiều thư viện ghi đầy đủ thông tin của từng thư viện bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách).

¹ Tên cơ quan thành lập thư viện

² Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo theo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện

³ Đối với thư viện tư nhân, thư viện cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

⁴ Chỉ ghi nội dung sáp nhập hoặc hợp nhất hoặc chia hoặc tách thư viện.

b) Phương án bảo toàn tài nguyên thông tin của thư viện⁵ và trao trả tài nguyên thông tin được tiếp nhận luân chuyển từ thư viện công lập (nếu có) (*có phương án kèm theo*).

2. Thông tin về thư viện sau sáp nhập/hợp nhất/chia/tách:

a) Tên thư viện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên viết tắt (*nếu có*):

Địa chỉ:.....

(*ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).

Số điện thoại:.....; Fax:.....

E-mail (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):..... Tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thư viện (*nếu có*).....

b) Đối tượng phục vụ (*đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục chỉ phải kê khai nếu có đối tượng phục vụ ngoài tổ chức*):

c) Tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện của thư viện:

- Tổng số bản sách:

- Tổng số đầu báo, tạp chí:.....

- Tổng số đầu tài liệu số (*nếu có*):.....

Máy tính, cơ sở dữ liệu hoặc trang thiết bị khác:.....

(*Có Danh mục tài nguyên thông tin, thiết bị thư viện kèm theo*).

d) Diện tích thư viện:.....m²

Trong đó, diện tích dành cho bạn đọc:m²

đ) Thông tin nhân sự của thư viện

- Giám đốc/người trực tiếp phụ trách thư viện:

+ Họ và tên:

+ Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

+ Ngày tháng năm sinh:.....

+ Địa chỉ:.....

+ Số điện thoại: E-mail:.....

- Tổng số người làm công tác thư viện:.....

e) Bắt đầu hoạt động từ ngày.....tháng..... năm.....

⁵ Đối với thư viện công lập.

3. Thông tin về thư viện chấm dứt hoạt động sau sáp nhập/hợp nhất/chia/tách

Tên thư viện (*ghi bằng chữ in hoa*)...sẽ chấm dứt hoạt động từ ngày... tháng... năm...

Theo quy định của Luật Thư viện,¹trên trọng thông báo đến²...../.

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THÀNH LẬP THƯ VIỆN

(*Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu*)

16. Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định giải thể thư viện, cơ quan, tổ chức thành lập thư viện phải gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện (*theo Mẫu M03 quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ quan thành lập thư viện; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cơ quan đơn vị có liên quan.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện: Văn bản trả lời.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện (*theo Mẫu M03 quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020*).

j) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.
- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

Mẫu M03

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(*néucó*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1.....

Số:/TB-TV

... .., ngày... .. tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc giải thể²/chấm dứt hoạt động của thư viện³**Kính gửi:⁴⁵trân trọng thông báo:Tên thư viện (*viết chữ in hoa*):

Địa chỉ:

(*ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*)

Hoạt động từ ngày..... tháng..... năm..... theo Quyết định số.....⁶/ Thông báo hoạt động thư viện ngày..... và Văn bản trả lời số.....⁷ ngày...../...../... của...
ạt động từ ngày.....tháng..... năm.....

Lý do chấm dứt hoạt động:.....

Hồ sơ kèm theo:

1. Quyết định/Thông báo thành lập thư viện.
 2. Quyết định giải thể thư viện (đối với thư viện công lập);
 3. Phương án bảo toàn tài nguyên thông tin thư viện theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt⁶/Hồ sơ chuyển giao tài nguyên thông tin⁷.
- Theo quy định của Luật Thư viện,⁵trân trọng thông báo./.

**CƠ QUAN THÀNH LẬP THƯ VIỆN/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯ VIỆN**
(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

-
- ¹ Tên cơ quan, tổ chức thành lập thư viện; cơ sở giáo dục có thư viện.
 - ² Áp dụng đối với các trường hợp giải thể thư viện công lập.
 - ³ Áp dụng đối với các trường hợp tự chấm dứt hoạt động của thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam; chấm dứt hoạt động của thư viện của tổ chức khác.
 - ⁴ Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.
 - ⁵ Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện.
 - ⁶ Đối với thư viện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở giáo dục.
 - ⁷ Đối với thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.